

Name:

Date:

ĐÁM CƯỚI Ở QUÊ



- Topic: Wedding, Traditional wedding, Vietnamese culture
- Level: B1, B2
- Skill Practice: Listening, Building vocabulary
- Grammar: “đến nỗi”, “nào .. cũng”, “không ... đâu”
- Language: Learning how say the best wished to the bride and the groom

Transcript

- Hôm nay, mình đi dự một đám cưới truyền thống ở vùng quê Việt Nam.
- Bạn của mình nè. Xinh quá! Hôm nay, bạn ấy là cô dâu, là người phụ nữ đẹp nhất và hạnh phúc nhất.
- Đám cưới ở quê thường được tổ chức tại nhà vì nhà nào cũng có sân vườn rộng rãi.
- Sân nhà rộng đến nỗi đủ để dựng sân khấu và bày khoảng 10 - 15 bàn tiệc.
- Một phần không thể thiếu trong dịp vui này chính là nhạc. Các bài hát đám cưới luôn luôn có giai điệu vui nhộn và dễ hát. Ai cũng có thể hát được.
- Không ai bình luận về khả năng và giọng hát của bạn đâu, miễn là bạn tự tin là được. Hát hay hay hát dở không quan trọng đâu.

- Một điều thú vị là đám cưới ở quê dài cả ngày, từ sáng đến chiều luôn nha các bạn. Khách có thể đến vào bất cứ giờ nào trong ngày, cô dâu chú rể luôn đứng ở đó chào đón bạn và luôn có người nhà của gia đình sắp xếp bàn cho bạn.
- Sáng nay, mình bắt xe đò từ Sài Gòn đến Tây Ninh để dự đám cưới. Xuống tới Tây Ninh thì cũng tầm 10 giờ rồi. Sau đó, đi taxi đến nhà cô dâu cũng gần 11 giờ. Đúng giờ cơm luôn! Vậy nên, đối với mình, bữa ăn này cũng là bữa trưa đó.
- Chết rồi! No quá rồi! No quá! Mập rồi! Huhu
- Tui thì quá no, còn bạn tui thì lúc nào cũng xinh đẹp.
- Khúc này, bạn tui đang giới thiệu tui với ông xã của nó nè.
- Wow, trông có vẻ nghe lời vợ đấy. Tốt ... tốt
- Chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc nha.

Name:

Date:

ĐÁM CƯỚI Ở QUÊ



Useful Grammar

1 ... đến nỗi

This structure refers to something reaching a certain level that leads to the result behind it.

Ví dụ: (Example)

-Anh mệt đến nỗi vừa nằm xuống là ngủ ngay.

(He was so tired that as soon as he lay down he fell asleep.)

-Em ấy nói tiếng Quảng Đông hay đến nỗi ai cũng nghĩ em ấy là người Quảng Đông.

(She speaks Cantonese so well that everyone thinks she's Cantonese.)

2 nào ... cũng / ... nào cũng ...

This structure means “every” or “all”

Ví dụ: (Example)

-Món nào cũng ngon.

(All the dishes are delicious.)

-Hát bài nào cũng được.

(Sing any song is okay.)

3 không ... đâu

This structure is often used in the daily conversation. “Không ... đâu” is a stronger form of negativity.

Ví dụ: (Example)

-Không sao đâu = Không sao

(No problem.)

-Không quan trọng đâu. = Không quan trọng

(Not important.)